

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v: Tranh chấp ly hôn

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hoàng Thi Thanh Mai

Các Hôi thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Nhung
2. Ông Trần Công Trung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hồng T, sinh năm: 198; Địa chỉ: Tân Quý, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trịnh Thị B, sinh năm: 198; Địa chỉ: phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh - là Luật sư của Công ty luật trách nhiệm hữu hạn S thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 199; Địa chỉ: Lương Trúc Đàm, phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, TPHCM.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07-1-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng T và bà Trịnh Thị B là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà T cùng trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Văn S tự nguyện chung sống năm 2014, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 265/2014, quyển số 02/2014 ngày 07-10-2014.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà T, ông S có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau về cách chăm sóc giáo dục con, chi tiêu tiền bạc. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng dẫn đến hai bên không sống chung nhà gần hai năm. Vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau. Nay bà T nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S để ổn định cuộc sống.

- *Về quan hệ con chung*: Có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 01-11-201 và Nguyễn Hoàng Minh K, sinh ngày 23-12-201. Khi ly hôn, bà yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Không có

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Thời gian kết hôn và chung sống đúng như bà T đã trình bày. Ông xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay bà T yêu cầu ly hôn, ông cũng đồng ý ly hôn.

- *Về quan hệ con chung*: Có hai con chung tên Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 01-11-201 và Nguyễn Hoàng Minh K, sinh ngày 23-12-201. Hiện nay, hai con chung đang ở với ông. Khi ly hôn, ông yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Không có.

Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

**** Tại phiên tòa:***

- Bà T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về điều kiện nuôi con thì bà T có đủ điều kiện nuôi con, như: bà T có kinh tế ổn định, làm việc giờ hành chính, không đi công tác nên có nhiều thời gian để chăm sóc con. Về phía ông S thì thời gian làm việc không ổn định, thường xuyên về nhà muộn, do công việc nên thường xuyên tiếp khách hàng nên không có thời gian chăm sóc con trong khi đó các con còn nhỏ, cần có sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Do đó, việc giao con chung cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng là điều không thể được.

- Ông S trình bày: Ông đồng ý ly hôn. Về điều kiện nuôi con thì ông cho rằng ông có đầy đủ điều kiện nuôi con, cụ thể: Hiện nay, ông là giám đốc của hai công ty đang hoạt động nên có thu nhập ổn định, có hệ thống xưởng hơn 3.000m² ở Long An, có nhà ở ổn định, do làm chủ nên ông chủ động về thời gian để chăm sóc con. Gia đình ông có người hỗ trợ trong việc chăm sóc con khi ông có công việc. Về

phía bà T có thu nhập không ổn định, không có thời gian để nuôi con, việc này được chứng minh bằng việc 03 tháng bà T không thăm con, có những cuối tuần không thăm con, thông báo là đang gặp khách hàng điều này làm cho tình cảm của mẹ con bị nhạt dần đến con không chấp nhận ngủ với mẹ qua đêm và nhiều lần như vậy. Bà T không đủ kinh tế để cho con học trường tốt hơn. Hiện tại các con đang học trường mầm non H, các buổi chiều trong ngày và cuối tuần học thêm anh văn. Chi phí cho việc ăn uống, học hành của mỗi con khoảng 15 triệu đồng/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu quan điểm:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn. Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn cư trú tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú. Thẩm phán thực hiện đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Về người tham gia tố tụng: Xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; Về thu thập chứng cứ: Thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn. Căn cứ lời khai của các bên và các chứng cứ thu thập được thể hiện vợ chồng bà T và ông S chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn. Thực tế vợ chồng không sống chung nhà. Do đó bà T yêu cầu được ly hôn, ông S cũng đồng ý, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 01-11-201 và Nguyễn Hoàng Minh K, sinh ngày 23-12-201. Khi ly hôn, bà T yêu cầu nuôi hai con chung. Ông S cũng yêu cầu được nuôi hai con chung. Không ai yêu cầu đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy việc giao con cho ai là người nuôi dưỡng là căn cứ vào lợi ích của con do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử giao trẻ Minh K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng (do trẻ còn dưới 36 tháng tuổi). Giao trẻ Trâm A cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do các bên không yêu cầu.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông bà khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng T, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về “Ly hôn”. Do ông Nguyễn Văn S hiện đang cư ngụ tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 265/2014, quyền số 02/2014 ngày 07-10-2014 do Ủy ban nhân dân phường Tân Q, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông S và bà T thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông S là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà T yêu cầu được ly hôn, ông S cũng đồng ý. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn của bà T và ông S.

Về quan hệ con chung: Bà T, ông S cùng khai có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 01-11-201 và Nguyễn Hoàng Minh K, sinh ngày 23-12-201. Bà T, ông S yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà T và ông S đều có yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn, yêu cầu này xuất phát từ tình thương yêu của cha mẹ đối với con. Việc chăm sóc và giáo dục con là trách nhiệm, nghĩa vụ của cha mẹ. Các bên đều có điều kiện đảm bảo để nuôi con. Tuy nhiên việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng thì phải xem xét đến quyền lợi về mọi mặt của trẻ để trẻ phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức và trở thành công dân có ích cho xã hội và vì lẽ công bằng. Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bên cùng xác nhận : hiện nay hai con chung đang ở cùng ông S, hàng ngày ông S đưa đón con đi học. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là trẻ Trâm A sinh ngày 01-11-201 cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với trẻ Minh K, sinh ngày 23-12-2016 còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần phải có sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn, do đó giao trẻ Minh K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông S và bà T do các bên không yêu cầu.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0012517 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia Đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Hồng T.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị Hồng T và ông Nguyễn Văn S.

Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông S theo Giấy chứng nhận kết hôn số 265, quyền số 02/2014, do Ủy ban nhân dân phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07-10-2014 chấm dứt kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 01-11-201 cho ông Nguyễn Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Hoàng Minh K, sinh ngày 23-12-2016 cho bà Phạm Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông S, bà T do các bên chưa có yêu cầu.

Ông S, bà T có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Bà T, ông S cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông S, bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trong trường hợp ông S lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông S.

Trong trường hợp bà T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà T.

Trong trường hợp bà T hoặc ông S không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông, bà T hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng do bà Phạm Thị Hồng T chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0012517 ngày 25-02-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo.

Bà T và ông S được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND phường T, quận Tân Phú;
- Lưu VP, hồ sơ (Thúy)./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Thị Thanh Mai